UBND HUYỆN TIÊN LÃNG **TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN THANH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:35 /BC-THTT	*Tiên Thanh, ngày* 13 *tháng 6 năm 2025*

BÁO CÁO
Công khai thông tin nhà trường thời điểm tháng 6 năm 2025

(kèm theo Quyết định số 46/QĐ-THTT ngày 13/6/2025
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Thanh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Tiên Thanh

2. Địa chỉ trụ sở: Thôn Hà Đới - xã Tiên Thanh- huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: tl-thtienthanh@haiphong.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: https://thtienthanh.haiphong.edu.vn/

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục cao, để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Tầm nhìn: Là ngôi trường có chất lượng cao, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội; học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản:

- Tinh thần đoàn kết
- Tinh thần trách nhiệm
- Lòng tự trọng
- Tính trung thực
- Lòng nhân ái
- Sự hợp tác, tính thân thiện
- Tính sáng tạo
- Khát vọng vươn lên

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng được thành lập năm 1994 trên cơ sở tách ra từ trường phổ thông cơ sở Tiên Thanh theo Quyết định của UBND huyện Tiên Lãng

Trên chặng đường dài xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy và trò nhà trường luôn luôn đoàn kết, không ngừng nỗ lực phấn đấu thi đua dạy tốt, học tốt và đã đạt

được những thành tích đáng tự hào trong sự nghiệp giáo dục, nhà trường đã không ngừng vươn lên và phát triển ổn định, có những bước tiến vững chắc. Nhân dân nơi đây có truyền thống hiếu học, truyền thống này luôn được phát huy. Đảng và chính quyền địa phương coi trọng, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố. Đội ngũ CBGV,NV nhiệt tình, năng động, chuyên môn vững vàng, 100% có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Liên Đội trong nhà trường phối hợp nhịp nhàng hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. Chi bộ liên tục được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Công đoàn đạt vững mạnh; Liên đội vững mạnh cấp Huyện được Huyện đoàn Tiên Lãng tặng Giấy khen. Nhiều năm học, nhà trường được công nhận đạt Tập thể Lao động tiên tiến được Ủy ban Nhân dân huyện tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Bùi Thị Thanh Huyền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Hà Đới, xã Tiên Thanh huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng

Số điện thoại: 0906168335 Email: ngocmaihung9704@gmai.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Tiên Thanh được thành lập từ năm 1994 theo theo Quyết định của Uỷ ban Nhân dân huyện Tiên Lãng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường TH Tiên Thanh.

Danh sách Hội đồng trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện giữ	Ghi chú
1	Bùi Thị Thanh Huyền	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Đỗ Phương Mai	Phó Hiệu trưởng, CTCĐ	Phó CT Hội đồng
3	Hoàng Thu Hà	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Thư ký Hội đồng
4	Hoàng Đại Dương	Phó chủ tịch UBND xã	Thành viên
5	Vũ Thị Thanh Nhàn	Tổ trưởng chuyên môn 1	Thành viên
6	Đoàn Thị Luyến	Tổ trưởng tổ chuyên môn 2,3	Thành viên
7	Hoàng Thị Ngàn	Tổ trưởng tổ chuyên môn 4+5	Thành viên
8	Phạm Thị Quỳnh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
9	Nguyễn Văn Ninh	Trưởng ban ĐD Hội CMHS trường	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

** Hiệu trưởng*

Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 26/09/2024 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Thanh.

* Phó Hiệu trưởng

Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc điều động bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Thanh.

Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc bổ nhiệm lại có thời hạn Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Thanh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Trường tiểu học Tiên Thanh là đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng thành lập và quản lý; có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Chức năng: là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập.

- Nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

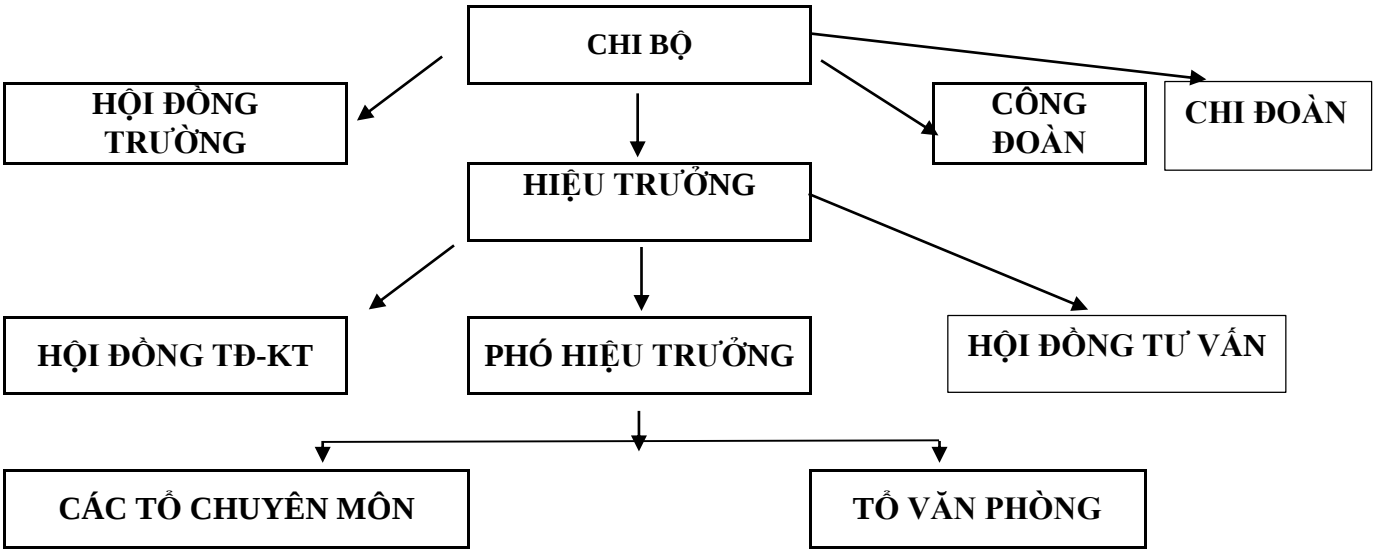

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Bùi Thị Thanh Huyền	Hiệu trưởng	0906168335	ngocmaihung9704@gmail.com
2	Đỗ Phương Mai	PHT	0836954733	phuongmaihtn@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Hà Đới, xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường.
- Quy chế làm việc.
- Các nghị quyết của hội đồng trường.
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính.

II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng, trình độ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp				Ghi chú
			ĐH	CĐ	<TC	IV	III	II	I	
Tổng số GV, CBQL, NV		29	28	0	1	0	12	13	2	
I	**CBQL**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	
2	Phó HT	1	1	0	0	0	0	1	0	
II	**Giáo viên**	**24**	**24**	**0**	**0**	**0**	**11**	**12**	**2**	
1	GV văn hóa	20	20	0	0	0	9	11	1	
2	Âm nhạc	2	2	0	0	0	2	0	0	
3	Mỹ Thuật	1	1	0	0	0	0	1	0	
4	Ngoại ngữ	1	1	0	0	0	0	0	1	
III	**Nhân viên**	**3**	**2**	**0**	**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	
1	Kế toán	1	1	0	0	0	0	0	0	
2	Thư viện, TQ	1	1	0	0	0	1	0	0	
3	Bảo vệ	1	0	0	1	0	0	0	0	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Tổng số CBQL-GV	**Tốt**		**Khá**		**Trung bình**	
	Năm học 2023-2024	So với năm học 2021-2022	Năm học 2023-2024	So với NH 2021-2022	NH 2023-2024	So với NH 2021-2022
24	11 = 45.8%	Tăng 4.2%	13= 44.2%	Giảm 4.2%	0	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

- Hoàn thành BDTX: 26/26 = 100%. Trong đó BGH: 02, GV: 24, Nhân viên: 0.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường

Tổng diện tích của nhà trường là: 6423m^2/475 học sinh; Diện tích bình quân: 13.5m^2/1 học sinh; cao hơn quy định tối thiểu 3.5m^2 /HS.

b) Số lượng, hạng mục công trình

STT	**Các hạng mục công trình**	**Tổng số**	So với quy định
1	**Khối phòng học tập**		
1.1	Phòng học	15	Đủ
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	Đủ
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	Đủ
1.4	Phòng học bộ môn KH - công nghệ	0	Thiếu 01 phòng
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	Đủ
1.6	Phòng học đa chức năng	0	Thiếu 01 phòng
1.7	Phòng ngoại ngữ	1	Thiếu 01 phòng
2	**Khối phòng hỗ trợ học tập**		
2.1	Thư viện	1	Đủ
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	Đủ

2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	Thiếu 01 phòng
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	Đủ
2.5	Phòng truyền thống	0	Thiếu 01 phòng
3	**Khối phụ trợ**		
3.1	Phòng họp	1	Đủ
3.2	Phòng Y tế trường học	1	Đủ
3.3	Nhà kho	1	Thiếu
3.4	Khu để xe học sinh	1	Đủ
3.5	Khu vệ sinh học sinh	1	Đủ
3.6	Phòng giáo viên	1	Đủ
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	Thiếu 01 phòng
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	
4	**Khu sân chơi, thể dục thể thao**		
4.1	Sân trường	1	Đủ
4.2	Sân thể dục thể thao	0	Thiếu
4.3	Nhà đa năng	0	Thiếu
5	Tổng diện tích đất (m^2)	6423m^2	Đủ
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)	1830m^2	Đủ
7	Diện tích các phòng		
7.1	Diện tích phòng học **(m^2)**		
	Khu B (8 phòng)	386 $m^{2/}$	Thiếu 46m^2
	Khu A (8 phòng)	336 m^2	Thiếu 96m^2
7.2	Diện tích phòng Thư viện **(m^2)**	54,6 m^2	Đạt
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	54,6 m^2	Đạt
7.4	Diện tích phòng Tin học	54,6 m^2	Đạt
7.5	Diện tích phòng Âm nhạc	54,6 m^2	Đạt
7.6	Diện tích phòng Mĩ thuật	54,6 m^2	Đạt
8	**Tổng số thiết bị dùng chung**		

8.1	Ti vi	20	Đủ
8.2	Cát sét	0	
8.3	Máy chiếu	03	Thiếu 01
8.4	Máy chiếu vật thể	17	Đủ
9	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X	
10	Nguồn điện lưới	X	Làm lại mới
11	Kết nối Internet	02	Đạt
12	Trang Thông tin điện tử(website) thtienthanh.haiphong.edu.vn	01	Đạt
13	Tường rào	X	Đạt

c) Số thiết bị dạy học hiện có

STT	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định		
1	Khối lớp 1	3	Thiếu GDQPAN
2	Khối lớp 2	3	Thiếu GDQPAN
3	Khối lớp 3	3	Thiếu GDQPAN
4	Khối lớp 4	3	Thiếu GDQPAN
5	Khối lớp 5	3	Thiếu GDQPAN
9	Tổng số máy tinh đang được sử dụng phục vụ học tập **(**ĐV: Bộ)	26	09 bộ
10	**Tổng số thiết bị dùng chung**		
10.1	Ti vi	20	Đủ
10.2	Cát sét	0	
10.3	Máy chiếu	03	Thiếu 01
10.4	Máy chiếu vật thể	17	Đủ
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X	
12	Nguồn điện lưới	X	Làm lại mới

13	Kết nối Internet	02	Đạt
14	Trang Thông tin điện tử(website)	thtienthanh.haiphong.edu.vn	
15	Tường rào	X	Đạt

d) Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt sử dụng cho năm học 2025-2026

Khối lớp 1

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tỉnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 1	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối trí thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NBX Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

Khối lớp 2

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu.Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyến, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mỹ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia Thành phố HCM	

Khối lớp 3

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chù biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chù biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chù biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ	Nhà xuất bản Giáo	Kết nối tri thức với cuộc sống

	biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	dục Việt Nam	
Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thuỳ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Bình Minh Group

Khối lớp 4

Tên sách	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**	**Thuộc bộ sách**
Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh,	Nhà xuất bản	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Giáo dục Việt Nam	
Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 4 (Worlderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

Khối lớp 5

Tên sách	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**	**Thuộc bộ sách**
Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

*** Danh mục xuất bản phẩm tham khảo năm học 2024-2025**

Stt	Tên xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản	Đối tượng sử dụng
1	Tập viết 1 (tập 1,tập 2)	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Thị Kim Chung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
2	Vở bài tập Toán 1 (tập 1,tập 2).	Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương; Nguyễn Minh Hải, Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
3	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (tập 1, tập 2)	Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Hảo Tâm	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
4	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (tập 1; tập 2)	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
5	Vở bài tập Toán 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
6	Tập Viết 2, tập 1	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên); Trần Thị Hiền Lương; Vũ Thị Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
7	Tập Viết 2, tập 2	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên); Trần Thị Hiền Lương; Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
8	Tập Viết 3 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên); Phạm Kim Chung;	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 3
9	Vở bài tập Toán 3 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 3

10	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (tập 1; tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Thị Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 3
11	Vở toán 4 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (chủ biên) Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 4
12	Vở Tiếng Việt 4 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 4
13	Vở toán 5 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (chủ biên) Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 5
14	Vở Tiếng Việt 5 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 5
15	Vở tập Tiếng Anh Phonics- Smart lớp 1	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh	Giáo viên TA và học sinh lớp 1
16	Vở tập Tiếng Anh Phonics- Smart lớp 2	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh	Giáo viên TA và học sinh lớp 2
17	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 3	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 3
18	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 4	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 4
19	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 5	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 5

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	*Mức 2*	*Mức 3*
Tiêu chuẩn 1	**0**		**10**	**0**
Tiêu chí 1.1	**0**		x	**0**
Tiêu chí 1.2	**0**		x	**0**
Tiêu chí 1.3	**0**		x	0
Tiêu chí 1.4	**0**		x	0
Tiêu chí 1.5	**0**		x	0
Tiêu chí 1.6	**0**		x	0
Tiêu chí 1.7	**0**		x	0
Tiêu chí 1.8	**0**		x	0
Tiêu chí 1.9	**0**		x	0
Tiêu chí 1.10	**0**		x	0
Tiêu chuẩn 2	**4**		4	0
Tiêu chí 2.1	**0**		x	0
Tiêu chí 2.2	**0**		x	0
Tiêu chí 2.3	**0**		x	0
Tiêu chí 2.4	**0**		x	0
Tiêu chuẩn 3	**0**		6	0
Tiêu chí 3.1	**0**		x	0
Tiêu chí 3.2	**0**		x	0
Tiêu chí 3.3	**0**		x	0
Tiêu chí 3.4	**0**		x	0
Tiêu chí 3.5	**0**		x	0
Tiêu chí 3.6	**0**		x	0
Tiêu chuẩn 4	**0**		2	0
Tiêu chí 4.1	**0**		x	0
Tiêu chí 4.2	**0**		x	0
Tiêu chuẩn 5	**0**		5	0
Tiêu chí 5.1	**0**		x	0
Tiêu chí 5.2	**0**		x	0
Tiêu chí 5.3	**0**		x	0
Tiêu chí 5.4	**0**		x	0
Tiêu chí 5.5	**0**		x	0

Đạt Mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài

Nhà trường chưa được đánh giá ngoài va công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

1. Kết quả tuyển sinh

Khối	Số lớp	Số học sinh	Bình quân HS/lớp	Số HS học 2 buổi/ ngày	Số HS nữ	Học sinh khuyết tật	Số HS chuyển trường	Số HS tiếp nhận vào học tại trường
Khối 1	3	91	30	91	41	0	02	0
Khối 2	3	88	29	88	49	1	01	0
Khối 3	3	94	31	94	39	0	01	0
Khối 4	3	101	34	101	47	1	0	0
Khối 5	3	101	34	101	43	1	0	0
Cộng	15	475	32	475	219	03	04	0

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT

Khối	HTXS		HTT		HT		CHT		Lên lớp		Lưu ban	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
I (91HS)	31	34.07	36	39.56	22	24.17	02	2.2	89	97.8	02	2.2
II (88HS)	31	35.22	30	34.09	26	29.55	01	1.14	87	98.96	01	1.14
III (94HS)	32	34.04	33	35.11	28	29,79	01	1.06	93	98.94	01	1.06
IV (101HS)	27	26.73	31	30.69	43	42.58	0	0	101	100	0	0
V (101HS)	29	28.72	47	46.53	25	24.75	0	0	101	100	0	0
Trường (475)	150	31.58	177	37.26	144	30.32	04	0.84	471	99.1	0	0

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học năm học 2024-2025 là 101/101 em đạt 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	**Nguồn ngân sách hết tháng 5/2025**	
I	**Thu ngân sách cấp**	**6.649.246.000**
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)**	**6.649.246.000**
1,1	Nhận ngân sách lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	5.893.348.000
1,2	Nhận ngân sách thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	755.898.000
II	**Tổng chi ngân sách hết tháng 5/2025**	**2.662.171.035**
1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Mã nguồn 13)**	**2.662.171.035**
1.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	2.342.733.136
1.2	Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	319.437.899
1.2.1	Chi lương bảo vệ theo NĐ 111	30.628.000
1.2.2	Chi phúc lợi tập thể	91.780.000
1.2.3	Chi khen thưởng	2.300.000
1.2.4	Văn phòng phẩm, khoán văn phòng phẩm	12.754.000
1.2.5	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	3.570.000
1.2.6	Vật tư văn phòng khác	21.600.000
1.2.7	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	2.200.000
1.2.8	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	1.203.400
1.2.9	Khoán công tác phí	6.800.000
1.2.10	Tuyên truyền, quảng cáo	1.000.000

1.2.11	Khoán phương tiện theo chế độ	3.264.093
1.2.12	Thuê lao động trong nước	30.900.000
1.2.13	Chi phí thuê mướn khác	10.750.000
1.2.14	Các thiết bị công nghệ thông tin	17.125.000
1.2.15	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13.200.000
1.2.16	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	50.210.056
1.2.17	Chi mua hàng hóa, vật tư	5.418.600
1.2.18	Chi khác	5.043.750
1.2.19	Chi các khoản phí và lệ phí	2.651.000
1.2.20	Đường điện, cấp thoát nước	7.040.000
III	**Tồn ngân sách năm 2025**	**3.987.074.965**
B	**THU KHÁC TẠI ĐƠN VỊ NĂM HỌC 2024-2025**	
1.	**Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính**	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	60 315 500
1.2	Tổng số thu trong kỳ	800 303 000
1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	860 618 500
1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	860 618 500
1.5	Số chi trong kỳ	860 618 500
1.6	Số dư cuối kỳ	0
2	**Trông coi xe học sinh**	
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	4 480 000
2.2	Tổng số thu trong kỳ	49 770 000
2.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	54 250 000
2.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	54 250 000

2.5	Số chi trong kỳ	54 250 000
2.6	Số dư cuối kỳ	0
3	**Chăm sóc bán trú**	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	11 710 000
3.2	Tổng số thu trong kỳ	161 706 500
3.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	173 416 500
3.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	173 416 500
3.5	Số chi trong kỳ	173 416 500
3.6	Số dư cuối kỳ	0
4.	**Tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài**	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.2	Tổng số thu trong kỳ	120 872 500
4.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	120 872 500
4.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	120 872 500
4.5	Số chi trong kỳ	120 872 500
4.6	Số dư cuối kỳ	0
5.	**Kỹ năng sống**	
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	26 018 508
5.2	Tổng số thu trong kỳ	335 220 000
5.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	361 238 508
5.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	361 238 508
5.5	Số chi trong kỳ	361 238 508
5.6	Số dư cuối kỳ	0
6.	**Hỗ trợ điện nước, cơ sở vật chất học 2 buổi/ngày**	
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	21 990 000

6.2	Tổng số thu trong kỳ	170 950 000
6.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	192 940 000
6.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	192 940 000
6.5	Số chi trong kỳ	192 940 000
6.6	Số dư cuối kỳ	0
7.	**Quỹ kế hoạch nhỏ**	
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
7.2	Tổng số thu trong kỳ	34 414 000
7.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	34 414 000
7.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	34 414 000
7.5	Số chi trong kỳ	34 414 000
7.6	Số dư cuối kỳ	0
8	**Trang thiết bị phục vụ bán trú**	
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	15 300 000
8.2	Tổng số thu trong kỳ	15 300 000
8.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	30 600 000
8.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	30 600 000
8.5	Số chi trong kỳ	30 600 000
8.6	Số dư cuối kỳ	0
9	**Tiền ăn bán trú**	
9.1	Số dư năm trước chuyển sang	56 846 000
9.2	Tổng số thu trong kỳ	677 641 000
9.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	734 487 000
9.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	734 487 000
9.5	Số chi trong kỳ	734 487 000
9.6	Số dư cuối kỳ	0

10	**BHYT học sinh**	
10.1	Số dư năm trước chuyển sang	2 721 600
10.2	Tổng số thu trong kỳ	431 206 403
10.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	433 928 003
10.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	433 928 003
10.5	Số chi trong kỳ	433 928 003
10.6	Số dư cuối kỳ	0
11,0	**Nước uống**	
11.1	Số dư năm trước chuyển sang	11 000 000
11.2	Tổng số thu trong kỳ	73 250 000
11.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ	84 250 000
11.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	84 250 000
11.5	Số chi trong kỳ	84 250 000
11.6	Số dư cuối kỳ	0

Trên đây là báo cáo công khai các thông tin nhà trường đến thời điểm tháng 6 năm 2025 của trường Tiểu học Tiên Thanh./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GDĐT;
- BCĐ thực hiện công khai;
- Cổng thông tin điện tử nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG TP. HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN THANH

Bùi Thị Thanh Huyền